

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TUYỂN CHỌN MỘT SỐ GIỐNG HOA CÁT TƯỜNG TẠI HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Mùi Thị Liên¹, Ngô Thị Thùy¹, Cao Văn Hương¹,
Triệu Văn Dũng¹, Sa Văn Thiết¹, Lê Thị Thủy¹, Hà Thị Thu¹,
Đặng Đình Trung¹, Mùa A Giang¹, Đinh Quang Thanh¹, Đỗ Văn Huy^{2,*}

¹ Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La

² Trung tâm Khuyến nông tỉnh Sơn La

* Email: vanhuydo.hd@gmail.com

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các giống hoa cát tường có sự đa dạng về hình thái và màu sắc, đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn giống có tiềm năng sinh trưởng tốt, hoa đẹp và độ bền hoa cao. Nhóm giống Solo và nhóm giống Rosita có đặc điểm riêng về chiều cao, số lá, số cành và đặc điểm hoa. Trong nhóm giống Solo, giống Solo pink picotee và giống Solo yellow nổi bật với chiều cao lớn, số lá nhiều, độ bền cao và tỷ lệ nở hoa tốt. Cụ thể, cây cắt cành của giống Solo pink picotee và giống Solo yellow cao lần lượt là 80,22 và 72,79 cm, số lá trung bình là 64,52 và 59,96; độ bền là 20,21 và 19,11 ngày, tỷ lệ nở hoa là 67,25 và 62,24%. Trong nhóm giống Rosita, giống Rosita 3 blue picotee được đánh giá cao với chiều cao cây cắt cành 73,3 cm, số lá trung bình 61,9, độ bền 20,62 ngày và tỷ lệ nở hoa 68,46%. Do đó, các giống Solo pink picotee, Solo yellow và Rosita 3 blue picotee là lựa chọn phù hợp cho sản xuất đại trà nhờ khả năng sinh trưởng tốt, độ bền hoa dài ngày, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Từ khóa: Hoa cát tường, tuyển chọn một số giống hoa, huyện Mộc Châu.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoa cát tường ban đầu được gọi là *Lisianthus russellianus* khi được đưa vào các danh mục hạt giống vào đầu những năm 1980 tại Hoa Kỳ. *Lisianthus (Eustoma grandiflorum)* bắt nguồn từ miền Nam của Hoa Kỳ [1], đặc biệt là ở sườn Đông của dãy núi Rocky, Hoa Kỳ, [2] và miền Bắc Mexico, được đưa vào Brazil trồng cuối những năm 1980, trở thành loài hoa cắt cành và hoa trồng trong chậu rất phổ biến. Sau một thời gian ngắn, tên khoa học chính thức là *Eustoma grandiflorum* (Raf.) Shinn đã được công nhận. Các tên đồng nghĩa bao gồm: *Eustoma andrewsii*, *E. russellianum*, *Lisianthus russellianus* [3, 4]. Đây là một loài thân thảo có thân thẳng đứng. Tùy thuộc vào kỹ thuật trồng trọt, loài cây này có thể có chu kỳ sinh trưởng hàng năm hoặc hai năm một lần. Hoa cát tường cần nhiệt độ ôn hòa để phát triển,

thường phát triển chậm và hình thành cành rồi nở hoa vào mùa hè [5]. Do đó, vào mùa đông, cây phát triển chậm với sự hình thành hoa thị (rosette); cành cây kéo dài vào mùa xuân và nở hoa vào mùa hè [6].

Hoa cát tường là loài thực vật, chịu lạnh vừa phải [7], phát triển chậm và cần 5 - 6 tháng từ khi gieo hạt đến khi ra hoa [8]. Chúng phát triển tốt ở độ pH 6,3 - 6,7 và nhiệt độ 15 - 25°C [9]. Việc lựa chọn giống rất quan trọng, phải dựa trên điều kiện môi trường và yêu cầu trang trí của người tiêu dùng [10].

Hiện nay, nhu cầu hoa cát tường ngày càng tăng nhưng diện tích trồng còn hạn chế, mới được trồng tại một số tỉnh/thành như: Lâm Đồng, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc và Ninh Thuận. Việc thử nghiệm và nghiên cứu trồng hoa tại huyện Mộc Châu (tỉnh Sơn La) có ý

nghĩa quan trọng trong việc chọn giống phù hợp và nâng cao năng suất, chất lượng hoa.

Việc nghiên cứu và tuyển chọn các giống hoa cát tường có năng suất và chất lượng cao, phù hợp với điều kiện địa phương là cần thiết.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Tám giống hoa cát tường có nguồn gốc từ Nhật Bản, đó là:

+ Nhóm giống Solo: Solo pure white ver.2 (trắng); Solo pink picotee (trắng viền hồng); Solo blue picotee (trắng viền tím); Solo yellow (vàng).

+ Nhóm giống Rosita: Rosita 3 pure white (trắng); Rosita 3 pink picotee (trắng viền hồng); Rosita 3 blue picotee (trắng viền tím); Rosita 3 jade (xanh).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các giống cát tường trồng cắt cành và trồng trong chậu

Phương pháp bố trí, theo dõi thí nghiệm

+ Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ với 3 lần nhắc lại, diện tích mỗi ô thí nghiệm 30 m² (đối với hoa trồng cắt cành), 20 m² (đối với hoa trồng trong chậu).

+ Các yếu tố phi thí nghiệm được thực hiện đồng nhất như nhau trên các công thức thí nghiệm như: Kỹ thuật trồng, chăm sóc, bón phân, phòng trừ sâu, bệnh hại...

+ Các chỉ tiêu theo dõi: Chỉ tiêu về sinh trưởng: Chiều cao cây (cm); số lá trên cây (lá); số cành trên cây (cành); đường kính tán (cm). Chỉ tiêu về chất lượng hoa: Số nụ/cây (nụ); số hoa/cây (hoa); tỷ lệ nở hoa (%); đường kính hoa (cm); số cánh hoa (cánh); độ bền tự nhiên (ngày).

2.2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được xử lý bằng phần mềm Excel 365 và CropStart 7.2.

2.3. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm bố trí các thí nghiệm nghiên cứu hoa cát tường tại Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La (thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La).

Thời gian: Tháng 9 – 12/2022.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm sinh trưởng của các giống hoa cát tường trồng cắt cành

Theo dõi sinh trưởng và phát triển cho thấy, các giống hoa cát tường đều có những đặc điểm nông, sinh học đặc trưng (Bảng 1).

Bảng 1. Đặc điểm sinh trưởng của các giống hoa cát tường trồng cắt cành tại huyện Mộc Châu

Giống	Chỉ tiêu theo dõi			
	Chiều cao cây (cm)	Số lá trên cây (lá)	Số cành trên cây (cành)	Đường kính tán (cm)
Nhóm giống Solo				
Solo pure white ver.2	71,08 ^b	56,33 ^b	4,16 ^{ab}	15,27 ^{ab}
Solo pink picotee	80,22 ^a	64,52 ^a	3,08 ^b	15,34 ^a
Solo blue picotee	75,17 ^b	57,59 ^b	5,33 ^a	15,44 ^a
Solo yellow	72,79 ^b	59,96 ^{ab}	3,58 ^b	14,94 ^b
LSD _{0,05}	4,2	4,5	1,6	0,2
CV%	4,57	17,02	12,4	9,8
Nhóm giống Rosita				
Rosita 3 pure white	68,04 ^c	57,99 ^b	3,48 ^a	15,60 ^a
Rosita 3 pink picotee	75,21 ^a	62,17 ^a	3,05 ^a	15,33 ^a

Rosita 3 blue picotee	73,30 ^{ab}	61,90 ^a	3,14 ^a	15,51 ^a
Rosita 3 jade	70,78 ^b	55,37 ^c	2,93 ^a	14,95 ^b
LSD _{0,05}	2,3	1,8	0,9	0,2
CV%	12,5	9,7	5,4	11,7

Chiều cao của cây và số lượng lá trên mỗi cây là các đặc điểm quan trọng để phân biệt giống hoa cát tường. Bảng 1 cho thấy, các giống thuộc nhóm giống Solo có chiều cao dao động 71,08 - 80,22 cm. Đặc biệt, giống Solo pink picotee nổi bật với chiều cao lớn nhất (80,22 cm) và có sự khác nhau về thống kê giữa các công thức cùng nhóm. Số lá trên mỗi cây trong các giống nghiên cứu dao động 56 - 64 lá, với giống Solo pink picotee có số lá nhiều nhất, trung bình 64,52 lá, có sự khác biệt về thống kê. Trong sản xuất hoa cát tường, chiều cao cây, số cành trên cây và đường kính tán là các chỉ tiêu quan trọng quyết định sản lượng. Giống Solo pure whitwe ver.2 và giống Solo blue picotee được đánh giá cao về khả năng sinh trưởng và sản xuất trong các điều kiện thương mại.

Các giống hoa cát tường nhóm giống Rosita trồng cắt cành có chiều cao từ 68,04 - 75,21 cm và số lá trung bình từ 55,37 - 62,17 lá. So với nhóm giống Solo, chúng có chiều cao và số lá thấp hơn.

Giống Rosita 3 pink picotee có chiều cao cao nhất (75,21 cm), có sự khác nhau về thống kê so với các công thức trong nhóm giống Rosita, trong khi giống Rosita 3 pure white thấp nhất (68,04 cm). Giữa các giống Rosita, chênh lệch về chiều cao và số lá từ 2 - 7 cm và 1 - 7 lá, tương ứng. Đánh giá về chiều cao cây, số cành, đường kính tán, giống Rosita 3 jade thấp nhất về tất cả các chỉ tiêu, không thuận lợi cho sản xuất. Rosita 3 pink picotee có chiều cao cây cao nhất, nhưng số cành và đường kính tán thấp. Giống Rosita 3 blue picotee, với chiều cao và số cành trung bình, cùng đường kính tán khá cao, có thể là sự lựa chọn tốt.

3.2. Đặc điểm và chất lượng hoa của các giống hoa cát tường trồng cắt cành

Trong sản xuất hoa cắt cành, cũng như đối với các giống hoa khác, số lượng và chất lượng hoa đóng vai trò quan trọng đối với hiệu suất sản xuất và kinh tế.

Bảng 2. Đặc điểm và chất lượng hoa của các giống hoa cát tường trồng cắt cành tại huyện Mộc Châu

Giống	Chỉ tiêu theo dõi						
	Số nụ/ cây (nụ)	Số hoa/ cây (hoa)	Tỷ lệ nở hoa (%)	Số cánh hoa (cánh)	Đường kính hoa (cm)	Độ bền hoa cắt (ngày)	Độ bền tự nhiên (ngày)
Nhóm giống Solo							
Solo pure white ver.2	15,19 ^c	7,19 ^b	47,86 ^d	5	3,30 ^c	13,09 ^c	18,62 ^c
Solo pink picotee	23,19 ^a	15,50 ^a	67,25 ^a	5	3,44 ^b	14,83 ^a	20,21 ^a
Solo blue picotee	18,02 ^{bc}	9,76 ^b	54,44 ^c	5	3,50 ^{ab}	15,39 ^a	20,01 ^a
Solo yellow	20,89 ^{ab}	12,96 ^a	62,24 ^b	5	3,59 ^a	14,12 ^b	19,11 ^{bc}
LSD _{0,05}	3,2	2,7	4,7	-	0,1	0,67	2,5
CV%	9,8	12,5	19,2	-	7,5	12,6	5,9
Nhóm giống Rosita							

Rosita 3 pure white	8,1 ^b	4,26 ^{bc}	52,7 ^b	22,98 ^a	8 ^a	14 ^{bc}	19,58 ^a
Rosita 3 pink picotee	9,07 ^b	5,79 ^b	64,19 ^a	18,12 ^b	7,42 ^c	15,33 ^a	19,96 ^a
Rosita 3 blue picotee	12,29 ^a	8,36 ^a	68,46 ^a	22,22 ^{bc}	7,8 ^b	14,93 ^{ab}	20,62 ^a
Rosita 3 jade	6,96 ^b	3,19 ^c	47,1 ^c	12,62 ^c	6,54 ^d	12,83 ^c	19 ^a
LSD _{0,05}	3,6	2,4	5,2	4,4	0,2	1,2	2,6
CV%	12,32	4,28	7,34	5,67	8,23	17,50	13,72

Các giống hoa cát tường trong nhóm Solo có hình dạng hình chuông, kích thước hoa từ 3,3 - 3,59 cm, với số nụ trung bình dao động 15,19 - 23,19, với giống Solo pink picotee, có số nụ hoa trung bình và số hoa trên cây lần lượt là 23,19 và 15,50, có sự khác biệt có ý nghĩa với các công thức còn lại. Độ bền của nhóm giống Solo cao, với độ bền hoa cát từ 13,09 - 15,39 ngày và độ bền tự nhiên từ 18,62 - 20,21 ngày. Giống Solo pure white ver.2 thường có ít nụ và hoa hơn so với các giống khác, trong khi giống Solo pink picotee và giống Solo yellow thường có nhiều nụ và hoa, cũng như độ bền cao.

Các giống hoa cát tường trong nhóm giống Rosita có dạng hoa cánh kép, đặc trưng bởi số cánh hoa nhiều và đường kính hoa lớn, dao động 6,54 - 8,23 cm, lớn hơn gấp 2 - 3 lần so với các giống trong nhóm giống Solo. Số cánh hoa trên mỗi giống trong nhóm giống Rosita khá đồng đều, với giống Rosita 3 pure white và giống Rosita 3 blue picotee có số cánh hoa nhiều nhất, trong khi giống Rosita 3 jade có số cánh ít nhất. Tuy số nụ và số hoa trên cây của nhóm giống Rosita thấp hơn so với nhóm giống Solo, nhưng tỷ lệ nở hoa hiệu quả vẫn đạt trên 97%, với giống Rosita 3 pink picotee và giống Rosita 3 blue picotee là hai giống có tỷ lệ nở hoa cao nhất, lần lượt là 22,98 và 22,22. Độ bền của hoa cát và tự nhiên của các giống thuộc nhóm giống Rosita đều khá cao, trung bình từ 12,83 ngày trở lên, với sự chênh lệch không đáng kể giữa các giống. Tổng thể, các giống trong nhóm giống Rosita cho thấy, khả năng thích ứng tốt với môi trường và kỹ thuật chăm sóc, mở ra tiềm năng phát triển trong sản xuất hoa cát tường cắt cành.

3.3. Đặc điểm sinh trưởng của các giống hoa Cát tường trồng trong chậu

Trong sản xuất hoa cát tường trồng trong chậu, kỹ thuật bấm ngọn được áp dụng để kiểm soát chiều cao cây, đảm bảo phù hợp với kích thước chậu và thuận lợi cho vận chuyển sản phẩm. Chiều cao trung bình của các giống cát tường nhóm giống Solo khi trồng trong chậu là 50,42 - 52,65 cm, thấp hơn so với trồng cắt cành (21 - 30 cm). Không có sự khác biệt đáng kể về thống kê chiều cao giữa các giống khi trồng trong chậu. Giống Solo pink picotee đạt chiều cao cao nhất (52,65 cm), trong khi giống Solo pure white ver.2 có chiều cao thấp nhất (50,42 cm). Bấm ngọn cũng thúc đẩy sự phát triển của các cành mới và nhánh bên, tạo ra một sự tương quan đồng đều về số cành trên cây. Số lá trung bình trên cây của các giống trong nhóm giống Solo trồng trong chậu dao động 65,61 - 84,87 lá, với giống Solo pink picotee có số lá nhiều nhất là 84,87 và giống Solo pure white ver.2 có số lá ít nhất là 65,61, có sự sai khác giữa các công thức và có ý nghĩa thống kê. Trong điều kiện trồng trong chậu, không gian dinh dưỡng hạn chế nên đường kính tán của cây cũng bị giới hạn hơn so với trồng trên đất, đạt từ 10,18 - 13,25 cm, với giống Solo pink picotee có đường kính tán lớn nhất và giống Solo pure white ver.2 có đường kính tán nhỏ nhất.

Các giống hoa cát tường nhóm giống Rosita trồng trong chậu có chiều cao từ 52,21 - 60,05 cm, cao hơn so với nhóm giống Solo trồng trong chậu và thấp hơn so với nhóm giống Rosita trồng cắt cành. Sử dụng kỹ thuật bấm ngọn giúp kiểm soát chiều cao và tăng số lá trên cây. Số lá trung bình của nhóm giống Rosita trồng trong chậu dao động

80,09 - 112,63 lá, nhiều hơn so với khi trồng cắt cành. Số cành trung bình trên cây của nhóm giống Rosita thí nghiệm dao động 2,45 - 3,75 cành, cao nhất ở giống Rosita 3 blue picotee với 3,75 cành, có

sự sai khác có ý nghĩa thống kê với các công thức còn lại. Đường kính tán của nhóm giống Rosita trồng trong chậu từ 12,92 - 14,75 cm, lớn hơn so với nhóm giống Solo trồng trong chậu.

Bảng 3. Đặc điểm sinh trưởng của các giống hoa cát tường trồng trong chậu tại huyện Mộc Châu

Giống	Chỉ tiêu theo dõi			
	Chiều cao cây (cm)	Số lá trên cây (lá)	Số cành trên cây (cành)	Đường kính tán (cm)
Nhóm giống Solo				
Solo pure white ver.2	50,42 ^b	65,61 ^c	2,09 ^c	10,18 ^b
Solo pink picotee	52,65 ^a	84,87 ^a	2,84 ^a	13,25 ^a
Solo blue picotee	51,1 ^{ab}	70,88 ^{bc}	2,24 ^{bc}	12,22 ^{ab}
Solo yellow	51,31 ^a	76,3 ^b	2,53 ^b	12,80 ^a
LSD _{0,05}	1,7	7,2	0,3	2,1
CV%	7,82	8,38	10,14	5,24
Nhóm giống Rosita				
Rosita 3 pure white	52,21 ^c	80,09 ^b	2,45 ^c	13,61 ^c
Rosita 3 pink picotee	60,05 ^a	112,63 ^a	3,75 ^a	14,75 ^a
Rosita 3 blue picotee	56,35 ^b	92,04 ^b	3,07 ^b	14,20 ^b
Rosita 3 jade	53,44 ^{bc}	85,65 ^b	2,14 ^c	12,92 ^d
LSD _{0,05}	3,5	18,1	0,6	0,5
CV%	11,45	7,12	9,08	5,18

3.4. Đặc điểm và chất lượng hoa của các giống hoa cát tường trồng trong chậu

Trong số các giống Solo, giống Solo yellow và giống Solo pink picotee có số nụ và số hoa trên cây cao nhất, trong khi giống Solo pure white ver.2 có độ bền tự nhiên thấp nhất. Độ bền tự nhiên của các giống trong nhóm giống Rosita trồng chậu dao động 17,63 - 19,83 ngày, với giống Solo pink picotee và giống Solo yellow có độ bền cao nhất.

Trong nghiên cứu này, các giống hoa cát tường nhóm giống Solo trồng trong chậu thường

có trung bình 7,29 - 8,6 nụ trên cây, nhưng tỷ lệ nở hoa cao, dao động 62 - 74%. Đường kính trung bình từ 3,22 - 4,15 cm, với giống Solo pink picotee có đường kính hoa lớn nhất đạt 4,15 cm, có sự sai khác có ý nghĩa với các công thức còn lại về thống kê, lớn hơn so với khi trồng cắt cành. Trong số các giống, giống Solo yellow nổi bật với số nụ và số hoa trên cây nhiều nhất cùng độ bền tự nhiên cao. Giống Solo pink picotee cũng có số nụ và số hoa khá cao và độ bền tự nhiên cao nhất. Ngược lại, giống Solo white pure ver.2 có các chỉ tiêu thấp hơn và độ bền tự nhiên thấp nhất trong số 4 giống.

Độ bền tự nhiên của các giống nhóm giống Solo trồng trong chậu dao động 17,63 - 19,83 ngày, với giống Solo pink picotee và giống Solo yellow là

những giống có độ bền cao nhất. Điều này làm nổi bật tầm quan trọng của độ bền tự nhiên trong sản xuất và tiêu dùng hoa cát tường.

Bảng 4. Đặc điểm và chất lượng hoa của các giống hoa cát tường trồng trong chậu tại huyện Mộc Châu

Giống	Chỉ tiêu theo dõi					
	Số nụ/cây (nụ)	Số hoa trên cây (hoa)	Tỷ lệ nở hoa (%)	Đường kính hoa (cm)	Số cánh hoa (cánh)	Độ bền tự nhiên (ngày)
Nhóm giống Solo						
Solo pure whitwe ver.2	7,29 ^c	4,5 ^b	62,02 ^c	3,22 ^c	5	17,63 ^c
Solo pink picotee	7,57 ^c	5,64 ^a	74,84 ^a	4,15 ^a	5	19,83 ^a
Solo blue picotee	8,26 ^b	5,33 ^a	64,85 ^c	3,34 ^c	5	18,18 ^{bc}
Solo yellow	8,6 ^a	5,88 ^a	68,69 ^b	3,83 ^b	5	19,29 ^a
LSD _{0,05}	0,3	0,5	3,5	0,3	-	0,6
CV%	7,12	5,87	10,92	5,24	-	5,76
Nhóm giống Rosita						
Rosita 3 pure white	12,97 ^a	6,33 ^a	44,40 ^c	8,10 ^a	23,63 ^a	20,91 ^c
Rosita 3 pink picotee	7,63 ^b	5,11 ^c	67,40 ^a	7,40 ^b	19,40 ^b	22,82 ^b
Rosita 3 blue picotee	7,97 ^b	5,71 ^b	72,40 ^a	7,84 ^a	22,83 ^{ab}	23,46 ^a
Rosita 3 jade	7,27 ^b	4,44 ^d	61,70 ^b	7,10 ^b	14,36 ^c	19,98 ^d
LSD _{0,05}	5,2	0,5	9,8	0,4	3,7	0,5
CV%	10,15	8,67	12,23	8,37	5,16	11,28

Bảng 4 cho thấy, các giống hoa cát tường nhóm giống Rosita trồng chậu có số nụ trung bình đạt 7,27 - 12,97, trong đó cao nhất là giống Rosita 3 pure white với số nụ trung bình đạt 12,97, có sự sai khác giữa các công thức khác có ý nghĩa về thống kê. Đặc biệt, giống Rosita 3 pure white nổi bật với đường kính hoa lớn nhất là 8,1 cm và số cánh hoa nhiều nhất trung bình đạt 6,33 cánh. Trong khi số lượng hoa nở trên cây không khác biệt nhiều so với nhóm giống Solo, nhưng chậu hoa nhóm giống Rosita vẫn thu hút hơn nhờ vào đặc điểm nổi bật của hoa. Đánh giá về chất lượng giống, giống Rosita 3 pure white có số hoa và số cánh hoa cao nhất, nhưng tỷ lệ nở hoa thấp nhất, chỉ đạt 44,4%, giống Rosita 3 pink picotee và giống Rosita 3 blue picotee có tỷ lệ nở hoa cao lần lượt là 67,4% và 72,4% và độ bền tự nhiên trung bình là 22,82 và 23,46 ngày, thu hút sự quan tâm của người tiêu dùng. Độ bền tự nhiên của các giống trong nhóm giống Rosita trên chậu hoa khá cao, đặc biệt là giống Rosita 3 blue picotee.

Đặc trưng hình thái của các giống hoa cát tường từ rễ đến hoa cho thấy, sự đa dạng và tính

đặc biệt của từng giống. Trong số các giống nghiên cứu, giống Solo pink picotee của nhóm giống Solo và giống Rosita 3 blue picotee của nhóm giống Rosita được xác định là có tiềm năng sinh trưởng và sản xuất hoa cao nhất trong các điều kiện thương mại. Sự lựa chọn này dựa trên khả năng sinh trưởng, số lượng hoa và tỷ lệ nở hoa, cùng với độ bền tự nhiên cao, làm nổi bật khả năng sản xuất đại trà của chúng. Điều này chỉ ra rằng, việc chọn giống cây phù hợp có thể đóng vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa hiệu suất sản xuất hoa cát tường.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Các giống hoa cát tường có sự đa dạng về hình thái và màu sắc, giúp nhận biết và chọn lọc giống cây tiềm năng. Giống Solo pink picotee, Solo yellow và Rosita 3 blue picotee nổi bật với chiều cao, số lá, độ bền và tỷ lệ nở hoa cao. Vì vậy, các giống này là lựa chọn phù hợp cho sản xuất đại trà do khả năng sinh trưởng tốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Popa G., Balan V., Plocon C (2004). Studies on the *in vitro* culture of *Lisianthus russellianus*

- Hook. *Buletinul Universitatii de Stiinte Agricole si Medicina Veterinara Cluj-Napoca, Seria Zootehnie si Biotehnologii*, 60: p. 319 - 322.
2. Halevy A. H., Kofranek A. M (1984). Evaluation of lisianthus as a new flower crop. *Horticultural Science*, 19(6): p. 845 - 847.
3. Beyer R., Everett THJKB (1981). The New York Botanical Garden Illustrated Encyclopaedia of Horticulture, *Illustrated Encyclopedia of Horticultural Science*, 36(3): 649.
4. Bailey L., Bailey EJI (1976). Hortus Third: A Concise Dictionary of Plants Cultivated in the United States and Canada. *Macmillan Publishing Co, New York, United States*.
5. Lorenzi H., Souza HJL, H., Moreira de Souza HOPiBSPP (2008). *Eustoma grandiflorum* (Raf.) Shinn. *Instituto Plantarum, Brazil, São Paulo, Brazil*, pp: 615.
6. Dole J. M., Wilkins H. F (1999). Floriculture: Principles and species, *Pearson/Prentice Hall, Upper Saddle River, New Jersey, USA*.
7. Griesbach R, Semeniuk P, Roh M, Lawson R (1988). Tissue culture in the improvement of *Eustoma*, *HortScience*, 23(4): 658.
8. Jamal Uddin A., Islam M., Mehraj H., Roni M., Shahrin SJTA (2013). An evaluation of some Japanese lisianthus (*Eustoma grandiflorum*) varieties grown in Bangladesh. *The Agriculturists*, 11(1): 56 - 60.
9. Harbaugh B., Woltz S (1991). *Eustoma* quality is adversely affected by low pH of root medium, *HortScience*, 26(10): 1279 - 1280.
10. Harbaugh B. K., Bell M. L., Liang RJH (2000). Evaluation of forty-seven cultivars of lisianthus as cut flowers, *HortTechnology*, 10(4): 812 - 815

RESEARCH RESULTS ON THE SELECTION OF SOME LISIANTHUS VARIETIES
IN MOC CHAU DISTRICT, SON LA PROVINCE

Mui Thi Lien¹, Ngo Thi Thuy¹, Cao Van Huong¹,
Trieu Van Dung¹, Sa Van Thiet¹, Le Thi Thuy¹, Ha Thi Thu¹,
Dang Dinh Trung¹, Mua A Giang¹, Dinh Quang Thanh¹, Do Van Huy²

¹Van Ho district Agricultural Service Center, Son La province

²Son La provincial Agricultural Extension Center

Summary

The research results show that lisianthus cultivars exhibit a diversity of morphology and color, which plays an important role in selecting varieties with good growth potential, attractive flowers, and high vase life. The Solo and Rosita groups have distinct characteristics regarding height, number of leaves, number of branches and flower traits. In the Solo group, the Solo pink picotee and Solo yellow varieties are notable for their greater height, numerous leaves, high durability and good flowering rate. Specifically, the cut stem heights of Solo pink picotee and Solo yellow varieties are 80.22 cm and 72.79 cm, respectively, with an average of 64.52 and 59.96 leaves; longevity of 20.21 days and 19.11 days, a flowering rate of 67.25% and 62.24%. In the Rosita group, the Rosita 3 blue picotee variety is highly valued, with a cut stem height of 73.3 cm, an average of 61.9 leaves, longevity of 20.62 days and a flowering rate of 68.46%. Therefore, the Solo pink picotee, Solo yellow and Rosita 3 blue picotee varieties are suitable choices for mass production due to their good growth potential, long flower longevity and ability to meet market demands.

Keywords: *Lisianthus*, selection of some flower varieties, Moc Chau district.

Ngày nhận bài: 4/4/2024

Ngày gửi phản biện: 29/5/2024

Ngày thông qua phản biện: 22/10/2024

Ngày duyệt đăng: 4/3/2025